

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1034/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2075/QĐ-BKHHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 82/TTr-SKHCN ngày 13/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên. *(Phụ lục I kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này bãi bỏ 22 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Sở hữu trí tuệ, cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ 08 thủ tục hành chính (*số thứ tự 03, 05, 12, 13, 14, 16, 17, 18 mục 3 Phụ lục I*) ban hành kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

2. Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính (*số thứ tự 03, 05, 06, 07 Phụ lục I*) ban hành kèm theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Bãi bỏ 08 thủ tục hành chính (*số thứ tự 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 mục II Phụ lục I*) ban hành kèm theo Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

4. Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính (*số thứ tự 01, 03, Phụ lục I*) ban hành kèm theo Quyết định 2587/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

(Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm công khai nội dung thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định; thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo Quyết định này và Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THUỘC
PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.</p>
3	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng; - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. - Lệ phí công bố Quyết định cấp Chứng chỉ: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp Chứng chỉ: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	<p>- 30 ngày (trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề;</p> <p>- 60 ngày (trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp).</p>	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Chưa có	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15;</p> <p>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng (kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp	14 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. - Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí công bố Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	13 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đồng. - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	08 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
16	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	30 ngày	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng. - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính).

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
17	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bản; - Lệ phí cấp GCN ĐKHHĐ: 60.000 đồng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 120.000 đồng/đơn); trường hợp thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID thì được miễn lệ phí cấp GCN ĐKHHĐ từ ngày 01/4/2026 đến 31/12/2026. - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản. - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 64/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Thông tư số 29/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ cho việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID.
18	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	- Phí thẩm định hồ sơ: 160.000 đồng/văn bản. - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản. - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.</p>
19	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	30 ngày	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng.</p> <p>- Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu.</p>	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15;</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;</p> <p>- Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;</p> <p>- Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 263/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính).</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
20	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	30 ngày kể từ ngày nhận đơn hợp lệ	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
21	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	30 ngày	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. <p>Địa chỉ: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THUỘC
PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (22)	
1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Quyết định 2587/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
3	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Quyết định 2587/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
4	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
5	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
6	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
7	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
8	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.
9	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
10	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
11	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
12	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
13	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
14	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
15	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
16	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
17	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.
18	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
19	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
20	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính
21	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.
22	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên